

THÔNG BÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2025

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Ái Quốc về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu - chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách năm 2025;

Nay UBND phường Ái Quốc thông báo về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2025 cụ thể như sau:

1. Thời gian niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2025 kể từ hồi 8 giờ 00 phút ngày 02/10/2025 đến 8 giờ 00 phút ngày 02/11/2025.

2. Địa điểm niêm yết công khai tại: Trung tâm hành chính công của phường Ái Quốc và Cổng thông tin điện tử phường Ái Quốc. Đồng thời thông báo trên hệ thống truyền thanh của phường.

Ủy ban nhân dân phường giao Văn phòng HĐND-UBND phường, Trung tâm văn hoá thể thao và truyền thông phường thông báo tới toàn thể các ban ngành đoàn thể, cán bộ, công chức cơ quan, các tổ dân phố và nhân dân được biết./

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- CT, PCT UBND phường;
- TTVHTT&TT phường;
- Lưu VT, KTHTĐT.

đề b/c

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Vũ Nam Hải

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 113/TB-UBND ngày 02/10/2025 của UBND phường Ái Quốc)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III	SỐ SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	150.766.000	54.448.165	36,11%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	412.000	6.345	1,54%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	19.403.000	631.704	3,26%
3	Thu bổ sung	130.951.000	47.642.873	36,38%
	- Thu bổ sung cân đối	130.951.000	38.100.000	29,09%
	- Thu bổ sung có mục tiêu		9.542.873	
4	Thu chuyển nguồn		6.167.243	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		0	
II	TỔNG SỐ CHI	150.766.000	29.307.024	19,44%
1	Chi đầu tư phát triển	17.742.000		0,00%
2	Chi thường xuyên	129.869.000	29.307.024	22,57%
3	Dự phòng	3.155.000	-	0,00%



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	142.686.000	97.802.000	198.574.158	54.448.165	139,2	55,7
I	Các khoản thu 100%	161.000	145.000	304.210	6.345	189,0	4,4
	Phí, lệ phí	51.000	35.000	9.636	-	18,9	-
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	100.000	100.000	-	-	-	-
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			-	-		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			-	-		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			-	-		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			-	-		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			-	-		
	Thu khác	10.000	10.000	294.574	6.345	2.945,7	63,4
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	54.313.000	9.445.000	144.459.832	631.704	266,0	6,7
1	Các khoản thu phân chia	54.313.000	9.445.000	144.459.832	631.704	266,0	6,7
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	210.000	-	181.985	-		
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			-	-		
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			-	-		
	Lệ phí trước bạ nhà, đất			2.244.771	-		
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.354.000	406.000	1.429.232	26.643	105,6	6,6
	Thuế thu nhập cá nhân	675.000	202.000	1.858.836	85.342	275,4	42,2
	Thu tiền sử dụng đất	52.074.000	8.837.000	138.745.008	519.718	266,4	5,9
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định				-		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			-	-		
IV	Thu chuyển nguồn			6.167.243	6.167.243		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			0	0		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	88.212.000	88.212.000	47.642.873	47.642.873	54,0	54,0
	- Thu bổ sung cân đối	88.212.000	88.212.000	38.100.000	38.100.000	43,2	43,2
	- Thu bổ sung có mục tiêu			9.542.873	9.542.873		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	97.802.000	8.837.000	86.674.000	29.307.024	1.013.245	29.307.024	29,97%	11,47%	33,81%
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	52.467.000		52.467.000	11.783.948		11.783.948	22,46%		22,46%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-		-			
3	Chi y tế	85.000		85.000	-		-			
4	Chi văn hóa, thông tin	442.000		442.000	94.802		94.802	21,45%		21,45%
5	Chi phát thanh, truyền thanh	95.000		95.000	-		-			
6	Chi thể dục thể thao	147.000		147.000	-		-	0,00%		0,00%
7	Chi bảo vệ môi trường	7.385.000		7.385.000	-		-			
8	Chi các hoạt động kinh tế	599.000		599.000	-		-			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	20.348.000		20.348.000	13.684.775		13.684.775	67,25%		67,25%
10	Chi an ninh, quốc phòng	1.942.000		1.942.000	-		-	0,00%		0,00%
11	Chi cho công tác xã hội	3.141.000		3.141.000	3.743.500		3.743.500	119,18%		119,18%
12	Chi khác	23.000		23.000	-		-			
13	Dự phòng ngân sách	2.291.000		2.291.000	-		-			